

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **13/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 13/5/2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Thị Thanh**

- Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Tịnh Thới**

Bà **Vũ Thị Đượm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hồ Thị Sương** – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Đồng Nai: *Không tham gia phiên tòa.*

Ngày 13 tháng 5 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện X mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 108/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2020/QĐXX-ST ngày 24 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Quốc B**, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: ấp S, xã T, huyện X, tỉnh Đồng Nai

- Bị đơn: Bà **Hoàng Thị L**, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: ấp S, xã T, huyện X, tỉnh Đồng Nai

(Ông B, bà L vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Quốc B trình bày: ông và bà Hoàng Thị L sống chung với nhau từ năm 1997 nhưng không đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung không hạnh phúc do tính tình không hợp. Ông và bà L không còn sống chung với nhau từ tháng 7 năm 2019. Nay cuộc sống chung không thể tiếp tục nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Hoàng Thị L.

Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có 03 con chung tên Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 01 tháng 7 năm 1998, Nguyễn Thị Hồng K, sinh ngày 29 tháng 11 năm 2002 và Nguyễn Thị Yên H, sinh ngày 18 tháng 12 năm 2007. Sau khi ly hôn ông yêu cầu nuôi cháu K và cháu H, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con, còn cháu N đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có.

- Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Hoàng Thị L trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông B về quá trình sống chung, con chung, tài sản chung, nợ chung, những mâu thuẫn trong cuộc sống. Nay ông B yêu cầu ly hôn với bà thì bà đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà đồng ý giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng K, sinh ngày 29 tháng 11 năm 2002 và Nguyễn Thị Yến H, sinh ngày 18 tháng 12 năm 2007 cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, còn con chung tên Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 01 tháng 7 năm 1998 đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Quốc B có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Hoàng Thị L nên xác định ông B là nguyên đơn, bà L là bị đơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Quốc B và bà Hoàng Thị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên xét xử vắng mặt ông B, bà L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 B luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Quốc B và bà Hoàng Thị L sống chung với nhau từ năm 1997 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ quy định Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận ông Nguyễn Quốc B và bà Hoàng Thị L là vợ chồng.

[4] Về con chung: Ông Nguyễn Quốc B yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng K, sinh ngày 29 tháng 11 năm 2002 và Nguyễn Thị Yến H, sinh ngày 18 tháng 12 năm 2007 đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Xét thấy bà L đồng ý giao Nhung và cháu Nhi cho ông B nuôi dưỡng, cháu K và H đang ở với ông B và có nguyện vọng được ở với ông B nên giao các cháu K và H cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Ông Nguyễn Quốc B không yêu cầu bà Hoàng Thị L cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết

Đối với con chung Nguyễn Thị Hồng N đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: không giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có, không giải quyết.

[7] Về án phí: Ông Nguyễn Quốc B phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228 B luật Tố tụng dân sự năm 2015

Căn cứ các Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/201/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Quốc B và bà Hoàng Thị L là vợ chồng.

- Về con chung: giao các cháu Nguyễn Thị Hồng K, sinh ngày 29 tháng 11 năm 2002 và Nguyễn Thị Yên H, sinh ngày 18 tháng 12 năm 2007 cho ông Nguyễn Quốc B trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động

Ông Nguyễn Quốc B không yêu cầu bà Hoàng Thị L cấp dưỡng nuôi con nên không giải quyết

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ.

- Về tài sản chung: không giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không giải quyết.

- Về án phí: Ông Nguyễn Quốc B phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông B nộp theo biên lai thu số 0009097 ngày 21/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X được khấu trừ thành tiền án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận :

- TAND. tỉnh Đồng Nai.
- VKSND tỉnh Đồng Nai.
- VKSND H. X.
- Chi cục thi hành án dân sự H. X.
- UBND xã T
- Các đương sự;.
- Lưu án văn .
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Thanh

